TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2022
V/v Tranh chấp "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tư.

2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L , sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn Đ do mai mối nên quen biết nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới chúng tôi sống chung với nhau tại Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến đời sống vợ chồng

không hạnh phúc, anh Đthường xuyên đi nhậu say xỉn chửi bới, đánh đập tôi làm cho gia đình không hạnh phúc, tôi đã nhiều lần khuyên anh Đsửa đổi nhưng không có kết quả. Thời gian qua chúng tôi đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Chúng tôi đã ly thân không còn chung sống với nhau khoảng 5 năm nay. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và anh Đlà vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tường A, sinh ngày 09/3/2008, từ trước đến nay cháu A sinh sống cùng với tôi, tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A , không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Lẩm, anh Đáng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn Đ nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L và đơn xác nhận ngày 25/11/2021 có xác nhận của Trưởng Ấp G và Ủy ban nhân dân xã P, huyện C thì chị L và anh Đsống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến ngày nộp đơn khởi kiện là không có đăng ký kết hôn. Xét trường hợp chung sống như vợ chồng giữa chị Lẩm, anh Đkhông thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Lẩm, anh Đchưa được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên nay chị L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đlà có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị L và anh Đcó 01 con chung tên Nguyễn Tường A, sinh ngày 09/3/2008, hiện sống chung với chị L nên chị L yêu cầu được tiếp tục

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A , không yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo nội dung đơn khởi kiện, từ lúc chị Lẩm, anh Đkhông còn sống chung đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và tại bản tự khai ngày 07/12/2021 cháu A cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Lẩm. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu A , cần tiếp tục giao cháu A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Đcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đcũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tường A, sinh ngày 09/3/2008 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu.

Anh Đcó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001442 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang